

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 455/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2024.

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 547/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 564/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 367/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Đức P**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà I, phố N, khu G, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị D**, sinh năm 1995;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa liên bang Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Phạm Đức P, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C ngày 21/2/2023. Sau khi kết hôn chị D đi lao động ở nước ngoài dẫn đến không có sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Vợ

chồng sống xa cách gần 2 năm không còn sự liên lạc với nhau, nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị D theo quy định.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị Đ1 (mẹ đẻ chị D), trình bày: Hiện nay chị D đang sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đ, chị D vẫn liên lạc hỏi thăm gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho chị D biết, chị D không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, chị D có quan điểm đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Anh P và chị D kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Sau khi kết hôn một thời gian, chị D đi du học ở nước ngoài. Do không hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay anh P có đơn ly hôn chị D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị D vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Phạm Đức P được ly hôn chị Vũ Thị D; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Đức P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Vũ Thị D. Chị D hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa anh P vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, chị D vắng mặt lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P, chị D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức P và chị Vũ Thị D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C ngày 21/2/2023 nên

hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng luôn xa cách nhau vì chị D sinh sống bên nước ngoài dẫn đến không có sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân gần 2 năm nay. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh P, chị D không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được và được chứng minh bằng lời khai của các đương sự, quan điểm của gia đình, địa phương nơi các đương sự cư trú. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh P được ly hôn chị D là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị D không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Phạm Đức P** ly hôn với chị **Vũ Thị D**.

2. Về án phí: Anh Phạm Đức P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005244 ngày 21/10/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày, anh Phạm Đức P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân